

Bản tin chứng khoán

Trong số này

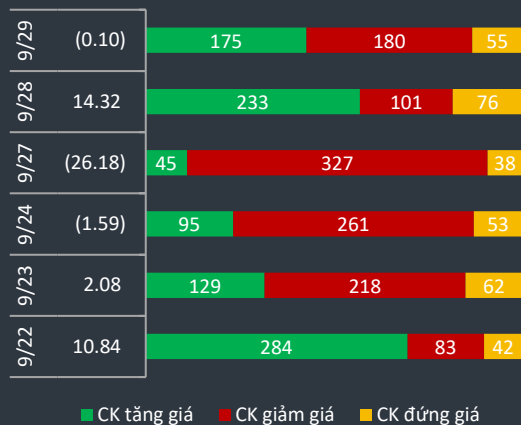
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	62.53
MBB	24.94
VHC	16.61
PLX	15.15
FTS	12.12
HSG	8.21
HDB	(26.51)
VIC	(34.45)
GAS	(35.54)
DGC	(38.58)
STB	(42.08)
NVL	(44.08)
CTG	(44.99)
HPG (105.65)	

Sau phiên hồi phục khá ấn tượng, thị trường có phần thận trọng trở lại và giao dịch giảm co trở lại trong phiên hôm nay. Sự bi quan trở lại khi thông kê vĩ mô mới công bố GDP quý 3 giảm -6.7% so với cùng kỳ, chỉ số công nghiệp 9 tháng cũng lần đầu âm -5.5 %. GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

Thị trường dù có phần hưng phấn từ hôm trước nhưng cũng hạ nhiệt nhanh chóng và giao dịch trở nên thận trọng rất nhiều. Cho đến cuối ngày thị trường giữ được mức tham chiếu nhưng giao dịch chung chỉ đạt khoảng 17 ngàn tỷ đồng.

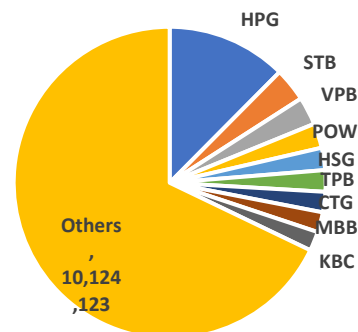
Nhóm cổ phiếu thuộc họ dầu khí tiếp tục tăng trưởng khá, đặc biệt là những cổ phiếu thuộc VN30 hôm nay như GAS, PLX. MSN và POW là hai cổ phiếu tăng gần 4% trong khi phía giảm điểm phần lớn đến từ nhóm ngân hàng như STB, CTG, VPB. Cổ phiếu ngân hàng trong ngày chỉ có 5 mã xanh đứng đầu là TPB, BVB, PGG tăng trên 1% trong khi giảm mạnh nhất là NVB, STB, BAB, LPB, CTG, VIB. OCB trong ngày biến động quanh tham chiếu và đóng cửa mất nhẹ -0.4% về 23.8. Thanh khoản trong ngày của OCB đạt 1.7 triệu cổ phiếu, đều giảm mạnh giao dịch như các ngân hàng khác.

Đáng chú ý là nhóm phân bón tăng tốc trở lại với hàng loạt cổ phiếu chạm trần như DCM, PDM, BFC, LAS sau khi có thông tin giá phân bón tiếp tục leo thang trong thời gian vừa qua và có thể còn tiếp tục ở mức giá cao đến cuối năm. Cổ phiếu ngành thép có phần chậm hơn nhưng cổ phiếu đầu ngành HPG đang có tín hiệu lực cầu vào mạnh và hồi phục dần trong những phiên vừa qua.

Khối ngoại trong ngày mua vào 738 tỷ và bán ra 1251 tỷ đồng, Bán ròng nhiều nhất trong phiên là HPG, STB, CTG, HDB, GEX, GVR và một số cổ phiếu được mua ròng khá là POW, MBB, VNM, VRE, VHC, HSG.

Vnindex 1,339.21

▼ -0.1 (-0.01%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
POW	12.2	450	3.83
MSN	141.0	5,000	3.68
GAS	96.8	1,700	1.79
PLX	52.0	900	1.76
TPB	41.4	700	1.72
HPG	53.3	700	1.33
REE	65.1	600	0.93
MWG	127.8	1,100	0.87
GVR	36.0	200	0.56
BCM	44.4	200	0.45
VNM	89.6	300	0.34
PNJ	93.3	300	0.32
VIC	86.7	200	0.23
FPT	93.2	200	0.22
PDR	81.2	(100)	(0.12)
SAB	156.8	(300)	(0.19)
HDB	25.4	(50)	(0.20)
VHM	78.2	(300)	(0.38)
VJC	128.5	(500)	(0.39)
DHG	98.4	(400)	(0.40)
BID	39.9	(200)	(0.50)
NVL	102.0	(600)	(0.58)
VRE	28.3	(200)	(0.70)
VCB	98.5	(700)	(0.71)
MBB	27.8	(200)	(0.71)
ACB	31.4	(250)	(0.79)
TCB	49.4	(400)	(0.80)
BVH	58.0	(700)	(1.19)
VPB	66.0	(800)	(1.20)
SSI	40.1	(500)	(1.23)
VIB	36.0	(550)	(1.51)
CTG	30.4	(550)	(1.78)
HVN	24.5	(500)	(2.00)
STB	25.8	(750)	(2.82)

Thông tin vĩ mô phần nào đã được dự đoán trước và phản ứng của thị trường hôm nay có thể xem như vượt qua được áp lực tâm lý. Dù sao một phần thị trường đã phản ánh vào phiên đầu tuần vì vậy hôm nay nhà đầu tư đón nhận với trạng thái bình tĩnh hơn. Thị trường sẽ còn giằng co thêm vài phiên nhưng mức độ lạc quan sẽ gia tăng dần khi các doanh nghiệp từ từ công bố kết quả quý 3 đặc biệt là những doanh nghiệp có kết quả kinh doanh khởi sắc sẽ công bố sớm. Ngoài ra kỳ vọng sau tháng 10 hoạt động kinh tế nhiều khu vực trọng điểm tại các tỉnh thành phía nam sẽ mở cửa trở lại có thể giúp thị trường sớm lấy lại niềm tin.

Thếp: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, DPR, BVH, ABI, LCG

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
LCG	18.8	(5.8)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	4.4%
DPR	69.5	1.2	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	3.7%
IDC	52.0	-	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	4.0%
REE	65.1	(4.3)	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	27.6%
GVR	36.0	(2.7)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	22.4%
HCM	52.6	(0.9)	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	16.9%
VCI	59.6	(6.0)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	21.6%
SSI	40.1	(4.1)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	21.5%
MBB	27.8	(0.7)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-4.1%
OCB	23.8	(1.0)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	3.5%
HPG	53.3	4.7	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	18.4%
KBC	43.8	1.7	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	12.3%
DGW	113.2	(4.1)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	126.4%
MWG	127.8	1.7	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	50.4%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HVX	6.87
HT1	6.88
CNG	6.89
DCM	6.91
DPM	6.94
BFC	6.98
MCG	6.99
KSH	12.12
PXT	14.29

Top tăng giá HNX

BCC	9.63
SED	9.64
HOM	9.64
PVG	9.79
PMB	9.85
SDA	9.90
KHB	13.79
QNC	14.41

KDH - CTCP Đầu tư Kinh doanh Nhà Khang Điền - Đã bán xong toàn bộ hơn 19,85 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 14/9 đến 28/9 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bán bình quân 40.866 đồng/cổ phiếu.

DIG - Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Đã phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDB). Được biết, trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng và lãi suất cố định 11%/năm cho năm đầu tiên.

API - Lũy kế 8 tháng, doanh nghiệp này ghi nhận doanh thu 495 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 78,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 50 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu phần lớn đến từ các sản phẩm bất động sản thuộc dự án Royal Park Huế và Aqua Park Bắc Giang.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Ngày 27/9 đã thông qua việc góp vốn 1.000 tỷ đồng vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Khánh An. Sau khi góp vốn, NVL sẽ sở hữu 57,87%/vốn Công ty này. Cùng ngày, NVL thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 4,55 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Khách sạn Du lịch Thanh Niên Vũng Tàu.

HCM - CTCP Chứng khoán TP.HCM – Đã thông qua ngày 12/10 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền chào bán hơn 152,5 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, cứ 2 quyền được mua thêm 1 cổ phiếu mới). Giá chào bán 14.000 đồng/cổ phiếu.

NET - CTCP Bột giặt NET - Ngày 30/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 01/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 60%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/10/2021.

MBG - CTCP Tập đoàn MBG - Ngày 30/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 01/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 3% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới).

NHC - CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp – Đã thông qua việc bán 2 triệu cổ phiếu sở hữu tại CTCP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (MVC), với giá 15.000 đồng/cổ phiếu.

TCO - CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Đã thông qua các phương án tăng vốn điều lệ thêm hơn 500 tỷ đồng. Trong đó, số tiền huy động hơn 470 tỷ đồng từ chào bán cho cổ đông hiện hữu và riêng lẻ sẽ được dự kiến dùng để đầu tư vào công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo.

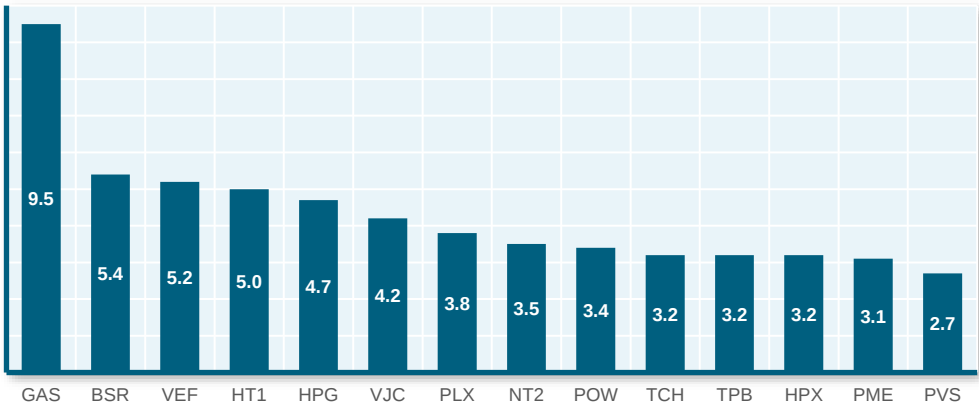


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	66.0	6,609,400	13.1	2.7	-	40,200	162,145	19.01	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.0	1,640,700	6.4	2.7	16,100	-	55,835	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.5	565,000	17.8	3.5	168,700	242,800	365,324	23.58	5,532	28,293
VBB	HNX	17.0	32,443	20.5	1.5	-	-	8,121	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.2	575,490	14.4	1.3	-	-	7,653	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	41.4	8,107,000	9.1	2.2	-	-	44,367	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.4	5,676,700	10.7	2.1	-	-	173,142	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	25.8	19,931,200	13.4	1.5	455,500	2,071,900	48,639	15.72	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.9	2,031,800	20.8	2.9	-	-	48,128	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.0	12,668,727	11.9	1.9	16,800	3,000	50,064	3.97	2,183	14,014
SGB	HNX	17.3	78,501	-	1.4	-	3,000	5,328	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.3	66,775	31.5	1.7	-	-	6,990	15.00	739	13,529
OCB	HNX	23.8	1,773,300	6.3	1.3	341,600	-	26,083	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	27.0	735,003	131.7	2.5	-	-	10,984	8.52	205	10,726
NAB	HOSE	19.9	287,956	5.9	1.2	1,500	-	9,083	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	29.5	4,374,500	9.0	1.7	14,600	-	34,663	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.8	11,106,600	7.1	1.4	1,767,800	877,500	105,037	23.20	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.7	3,268,200	8.4	1.5	1,200	13,700	26,118	3.61	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.0	613,144	11.3	1.6	-	-	7,358	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.4	2,055,500	6.6	1.5	93,200	1,140,000	40,865	17.97	3,854	17,399
EIB	HOSE	23.5	153,800	26.9	1.7	200	9,300	29,035	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	30.4	10,281,500	6.9	1.2	203,500	1,672,100	146,095	24.63	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.6	2,126,612	17.8	1.6	-	-	7,562	0.08	1,157	12,737
BID	HOSE	39.9	1,183,100	15.9	1.9	207,800	517,000	160,479	16.66	2,512	21,036
BAB	HOSE	21.9	76,100	23.1	1.8	-	100	15,516	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.4	3,615,100	6.8	2.1	-	-	84,706	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.8	1,209,946	7.4	1.2	-	-	11,883	30.00	2,801	16,671
100,844,097				17.72	1.84	3,288,500	6,590,600	1,691,204		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	40,100	13,217,816	26,357,935	2,647.4	15.1	2.26	17,724
VCI	UPCOM	59,600	5,599,614	19,846,800	3,445.7	17.3	2.01	29,655
HCM	HNX	52,600	5,777,023	16,089,407	3,099.8	17.0	3.37	15,612
VND	UPCOM	50,800	9,208,346	22,095,190	6,320.1	8.0	2.43	20,939
SHS	UPCOM	36,200	6,401,726	7,503,109	5,431.3	6.7	2.02	17,951
MBS	UPCOM	32,600	3,155,813	8,723,791	1,470.3	22.2	2.48	13,147
FTS	HOSE	56,900	868,200	8,278,557	3,583.0	15.9	3.21	17,751
VIX	HNX	17,700	4,224,466	2,260,626	5,549.5	3.2	1.09	16,190
AGR	HOSE	16,300	3,279,518	3,455,600	1,000.6	16.3	1.67	9,775
BSI	UPCOM	26,900	1,386,756	3,283,685	2,231.6	12.1	2.12	12,711
ORS	HNX	26,400	1,880,229	5,280,000	1,944.6	13.6	2.50	10,574
VDS	HOSE	31,700	1,176,718	3,331,818	3,856.6	8.2	2.46	12,884
CTS	HOSE	27,000	1,721,673	2,873,788	2,676.3	10.1	1.94	13,885
TVS	HOSE	33,300	141,207	3,271,231	5,036.9	6.6	2.24	14,852
BVS	UPCOM	32,200	876,375	2,324,845	3,242.7	9.9	1.20	26,909
EVS	HOSE	30,800	364,825	1,940,412	3,859.6	8.0	2.17	14,167
SBS	HOSE	14,500	3,968,296	1,836,570	79.4	182.7	8.83	1,643
PHS	HOSE	18,100	1,759	2,533,991	979.4	18.5	1.60	11,291
TVB	HOSE	21,400	1,349,023	2,278,375	2,793.8	7.7	1.84	11,645
ART	HNX	9,700	4,563,349	940,148	31.6	306.8	0.85	11,459
TCI	UPCOM	18,800	504,567	930,600	2,671.6	7.0	1.54	12,235
IVS	UPCOM	11,500	156,247	797,525	411.7	27.9	1.17	9,862
BMS	UPCOM	21,700	417,381	1,236,900	4,097.6	5.3	1.67	12,977
APS	HOSE	21,100	2,618,379	822,900	2,387.2	8.8	1.90	11,126
PSI	UPCOM	12,800	491,279	765,969	300.3	42.6	1.22	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DNA	UPCoM	8/10/2021	11/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	MSB	HOSE	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	TV4	HNX	6/10/2021	7/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TKA	UPCoM	5/10/2021	6/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SC5	HOSE	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	HD8	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SZE	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNZ	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SVT	HOSE	1/10/2021	4/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DND	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CLL	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DNT	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	THW	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 590 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	POW	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	4/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HLD	HNX	30/09/2021	1/10/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PVO	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ABS	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NT2	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	28/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	FOX	UPCoM	29/09/2021	30/09/2021	21/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	DBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	23/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	GLW	UPCoM	28/09/2021	29/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931